TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày 28/5/ 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY – TỈNH TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Giảng**.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Lý Thị Bé Năm**.
+ Ông **Cao Châu Tiếp.**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký TAND thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2018/TLST-DS ngày 24/12/2018 về tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-DS ngày 24/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987.(có mặt)
- Địa chỉ: ấp Kinh A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1981.(vắng mặt)
Bà Trương Thị Ngọc V, sinh năm 1982.(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp Kinh A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Vũ P trình bày: Ông là thương lái mua bán lúa nếp, từ ngày 25/01/2018 âm lịch ông nhiều lần đặt tiền cọc mua nếp của ông T, bà V nhưng đến mùa thu hoạch nếp thì ông T, bà V bán nếp cho thương lái khác. Vào ngày 13/7/2018 âm lịch, ông T, bà V có viết biên nhận đặt cọc với nội dung ông T, bà V còn nợ ông số tiền 130.000.000 đồng. Do trước đây ông có mua nếp của ông T, bà V số tiền 34.247.000 đồng nên ông trừ vào số tiền nợ. Như vậy, ông T, bà V còn nợ ông số tiền 95.753.000 đồng. Ông và ông T, bà V thỏa thuận cho ông T, bà V trả nợ còn lại cho ông cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Ngày 20/10/2018 âm lịch ông T, bà V trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

+ Đợt 2: Ngày 20/02/2019 âm lịch ông T, bà V trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Ngày 20/5/2019 âm lịch ông T, bà V trả cho ông số tiền 45.753.000 đồng.

Ngày 26/10/2018 âm lịch, ông T, bà V trả số tiền 5.000.000 đồng. Từ đó đến nay, ông T, bà V không thực hiện việc trả nợ cho ông như thỏa thuận.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà V trả cho ông số tiền theo thỏa thuận của đợt 1 còn lại là 15.000.000 đồng, trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải, bị đơn ông Võ Văn T trình bày: Ông thống nhất lới nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hiện tại ông và bà V còn nợ ông P số tiền đặt cọc mua nếp là 90.753.000 đồng. Ông và bà V đồng ý có trách nhiệm trả lại cho ông P số tiền như đã thỏa thuận của đợt 1 còn lại là 15.000.000 đồng nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn ông xin được trả dần hàng tháng, có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

* Tại biên bản hòa giải, bị đơn bà Trương Thị Ngọc V trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông T, bà cùng ông T chịu trách nhiệm trả cho ông P số tiền như đã thỏa thuận của đợt 1 còn lại là 15.000.000 đồng nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn bà xin được trả dần hàng tháng, có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

* Tài liệu do các bên cung cấp: Nguyên đơn: Đơn khởi kiện, bản tự khai, SHK, CMND bản sao, biên nhận tiền cọc (photo). Bị đơn: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền đặt cọc là tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Võ Văn T và bà Trương Thị Ngọc V, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà V vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

- Về nội dung: * Xét yêu cầu của các đương sự:

- Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ P yêu cầu ông T, bà V trả cho ông số tiền theo thỏa thuận của đợt 1 còn lại là 15.000.000 đồng, trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, biên nhận tiền cọc ngày 13/7/2018 âm lịch, thì ông Nguyễn Vũ P là thương lái mua bán lúa nếp, ông P nhiều lần đặt tiền cọc mua nếp của ông T, bà V Đến ngày 13/7/2018 âm lịch, ông T, bà V có viết biên nhận tiền cọc với nội dung ông T, bà V còn nợ ông số tiền 130.000.000 đồng. Do trước đây ông có mua nếp của ông T, bà V số tiền 34.247.000 đồng nên ông trừ vào số tiền nợ. Như vậy, ông T, bà V còn nợ ông số tiền 95.753.000 đồng. Ông và ông T, bà V thỏa thuận cho ông T, bà V trả nợ còn lại cho ông cụ thể như sau: Đợt 1: Ngày 20/10/2018 âm lịch ông T, bà V trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng; Đợt 2: Ngày 20/02/2019 âm lịch ông T, bà V trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng. Đợt 3: Ngày 20/5/2019 âm lịch ông T, bà V trả cho ông số tiền 45.753.000 đồng. Đến ngày 26/10/2018 âm lịch, ông

Tuấn, bà V trả cho ông P số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy theo thỏa thuận trả tiền đợt 1, ông T, bà V còn nợ lại 15.000.000 đồng. Ông T, bà V cũng thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông P. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc ông T, bà V trả cho ông P số tiền trên. Về thời hạn thanh toán: Ông P yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật,

ông T, bà V xin trả dần hàng tháng, có bao nhiêu trả bấy nhiêu. Do không thỏa thuận được nên cần buộc ông T, bà V trả số tiền cho ông P làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Võ Văn T và bà Trương Thị Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 BLTTDS, các Điều 117, Điều 118, Điều 166, Điều 328, Điều 357, Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ P.

+ Buộc ông Võ Văn T và bà Trương Thị Ngọc V liên đới trả cho ông Nguyễn Vũ P số tiền cọc theo thỏa thuận trả đợt 1 là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Thời hạn thanh toán: Làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự, mà ông T, bà V không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng, ông T, bà V còn phải trả cho ông P khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T và bà Trương Thị Ngọc V liên đới chịu số tiền 750.000 đồng. Hoàn lại cho ông Nguyễn Vũ P số tiền 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002020 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được tống đạt hợp lệ**.**

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh TG
- VKSND . TXCL
- Chi cục THADS.TXCL
- Người tham gia TT
- Lưu.

Bùi Thanh Giảng